

MỘT SỐ KIỂU BÀI TẬP CHỮA LỖI DÙNG TỪ TRONG VIẾT VĂN CHO HỌC SINH LỚP 4, 5

• **ThS. LÊ THỊ THU HÀ**

Trường tiểu học Nam Ngạn - TP. Thanh Hoá

Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ nói chung, từ ngữ nói riêng để tạo lập ngôn bản, việc sử dụng các từ để diễn đạt đầy đủ những điều muốn nói, muốn viết không phải là dễ. Đối với học sinh (HS) lớp 4, 5, hiện tượng dùng từ sai trong viết vẫn còn khá phổ biến. Dùng từ sai làm cho câu văn tối nghĩa, sai ý, khiến cho người đọc người nghe hiểu lầm, hiểu không hết nghĩa trình bày. Qua thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy HS dùng từ sai là do có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do những nguyên nhân như: các em không nắm chắc nghĩa của từ, nguyên tắc kết hợp từ, phong cách ngôn ngữ văn bản, do vốn từ nghèo, khả năng huy động và lựa chọn từ hạn chế, học từ theo kiểu truyền khẩu, bắt chước nên không nắm chắc, hiểu kĩ, dẫn đến dùng từ không phù hợp,...

Từ thực tế trên, theo chúng tôi, để rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ đúng cho HS trong viết văn cần xây dựng các dạng bài tập phát hiện và chữa lỗi dùng từ. Dựa vào các lỗi dùng từ sai phổ biến trong bài văn chúng tôi xây dựng thành 4 kiểu - 10 dạng bài tập cơ bản.

Mục đích của các kiểu bài tập này là giúp HS lớp 4, 5 sử dụng kiến thức từ ngữ của mình để phát hiện từ dùng sai, tìm hiểu nguyên nhân sai và đề xuất cách chữa. Đồng thời, giúp HS nâng cao mở rộng những hiểu biết về nghĩa của từ, đặc điểm kết hợp của từ, cách sử dụng từ, ... Kiểu bài tập này còn có tác dụng nâng cao ý thức của HS về việc dùng từ, rèn cho các em thói quen phải cẩn nhắc, suy xét cẩn thận khi dùng từ, thói quen đọc lại, kiểm tra lại những điều mình vừa viết ra để điều chỉnh, sửa chữa nếu cần thiết. Dưới đây, chúng tôi xin nêu các kiểu, dạng bài tập chữa lỗi dùng từ cho HS lớp 4, 5.

Kiểu 1: Bài tập chữa từ dùng sai nghĩa

Kiểu bài tập này nhằm giúp HS nắm được nghĩa của từ để sử dụng đúng từ trong viết văn. Việc nắm nghĩa của từ không chỉ có tác dụng đối với việc tạo lập ngôn bản (nói, viết) mà còn có tác dụng đối với việc lĩnh hội ngôn bản (nghe,

đọc). Vì vậy, giáo viên cần hình thành cho HS thói quen hiểu nghĩa từ khi sử dụng.

Dạng 1: Bài tập chữa từ sai do không hiểu nghĩa

Ví dụ: Theo em từ dùng sai trong các câu sau là từ nào? Vì sao sai? Em hãy chữa lại cho đúng.

a. Thật tuyệt vời! Hôm nay là chủ nhật, em dậy sớm chạy dọc theo bờ biển hít thở không khí trong veo.

b. Chiếc xe chở đoàn HS của trường em đi thăm cảnh biển. Bạn nào cũng vui mừng phấn khởi. Trên xe, các bạn hò hát chuyện trò khúc khích.

c. Sau một ngày làm việc vất vả, tối về, dưới ánh trăng vàng, bà con làng em cùng nhau yên nghĩ tâm sự.

(Giải đáp: Câu a. Từ sai *trong veo* thay bằng từ *trong lành*. Câu b: Từ sai *khúc khích* thay bằng từ *rôm rả* (*riêu rít*). Câu c: Từ sai *yên nghĩ* thay bằng từ *nghỉ ngơi*.)

Dạng 2: Bài tập chữa từ sai do gán nghĩa

Ví dụ: Em hãy lựa chọn các từ trong ngoặc và thay thế cho các từ in nghiêng để diễn đạt đúng ý của câu văn. (Yên ả, thái bình, thanh bình, trắc trở, gian nan, lao xao, xào xạc.)

a. Ngắm nhìn cánh đồng lúa và rừng dừa xanh em cảm thấy quê mình hoà bình quá!

b. Sapa thật là đẹp, thật là kì ảo nhưng đường đến với Sapa thật bất trắc.

c. Những ngày hè, sân trường vắng lặng, tôi chỉ nghe có tiếng lá khô lao xao chạm vào nhau.

(Giải đáp: Câu a: Từ sai *hoà bình* thay bằng từ *thanh bình*. Câu b: Từ sai *bất trắc* thay bằng từ *trắc trở*. Câu c: Từ sai *lao xao* thay bằng từ *xào xạc*.)

Dạng 3: Bài tập chữa từ sai do dùng sai sắc thái biểu cảm

Ví dụ: Em hãy thay từ dùng sai trong các câu dưới đây bằng những từ thích hợp. Theo em, vì sao sai?

a. Làng quê em yên ả dưới lỹ tre xanh,

ngân nga trong tiếng chuông chùa. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, thanh niên quê em hằng hái lên đường và có những người con đã chết cho tổ quốc quê hương.

b. Em còn nhớ mãi cái ngày ấy, trước khi chia tay, em đã cho Mai chiếc bút mực Trường Sơn.

c. Về với quê tôi, bạn sẽ được ngắm cảnh đẹp của dòng sông trong xanh, của đồng lúa vàng óng, của lũy tre xanh mát. Tuyệt vời hơn! bạn sẽ được ăn đặc sản bánh chè lam hương vị của làng quê.

(Giải đáp: Câu a: Từ sai *chết* thay bằng từ *hi sinh*. Câu b: Từ sai *cho* thay bằng từ *tặng*. Câu c: Từ sai *án* thay bằng từ *thưởng thức*.)

Kiểu 2: Bài tập chữa từ sai về kết hợp từ

Kiểu bài tập này rèn cho HS kĩ năng sử dụng vốn từ của mình, kết hợp từ theo những quy tắc nhất định về ngữ nghĩa, ngữ pháp như: kết hợp đúng quan hệ từ, cặp quan hệ từ, phụ từ, mối quan hệ của các từ trong câu.

Dạng 1: Bài tập chữa từ sai do kết hợp quan hệ từ

Ví dụ: Các quan hệ từ *nhưng, để, mà* trong ba câu dưới đây có diễn đạt đúng quan hệ ý nghĩa giữa các từ ngữ trong câu không? Nên thay các quan hệ này bằng quan hệ từ gì?

- a. Bà ngoại em đã già nhưng mắt bà ngoại em không còn sáng.
- b. Cây bàng rất có ích cho chúng em vui chơi để nó che bóng mát.
- c. Hè đã về! Hoa phượng nở đỏ rực khắp sân trường mà tiếng ve râm ran suốt trưa hè.

(Giải đáp: Các quan hệ từ *nhưng, để, mà* không diễn đạt đúng quan hệ ý nghĩa giữa các từ ngữ trong câu. Thay các quan hệ từ này bằng các quan hệ từ sau: Câu a: Thay từ *nhưng* bằng từ *nên*. Câu b: Thay từ *để* bằng từ *vi*. Câu c: Thay từ *mà* bằng từ *và*.)

Dạng 2: Bài tập chữa từ sai do kết hợp cặp quan hệ từ

Ví dụ: Em hãy cho biết các cặp quan hệ từ in đậm dưới đây dùng đúng hay sai. Nếu sai em hãy thay bằng các cặp quan hệ từ thích hợp.

- a. *Vi* trong lúc này chúng ta chưa thể gặp được nhau **mà** lòng tôi luôn nhớ đến bạn
- b. *Tuy* trời mưa to **nên** những cành phượng vẫn khoe sắc thắm.
- c. Chiếc xe *càng* đến gần làng Sen quê Bác

thì em rất hồi hộp.

(Giải đáp: Câu a: Từ sai *vi* - *mà* thay bằng từ *tuy* - *nhưng* hoặc *vi* - *nên*. Câu b: Từ sai *tuy* - *nên* thay bằng từ *tuy* - *nhưng*. Câu c: Từ sai *càng* - *thì* thay bằng từ *càng* - *càng*.)

Dạng 3: Bài tập chữa từ sai do kết hợp các phụ từ trong câu

Ví dụ 1: Em hãy nhận xét phụ từ được dùng trong các câu văn dưới đây. Theo em dùng như vậy có được không? Nếu không em hãy chữa lại cho phù hợp.

- a. Trong năm học qua, lớp em sẽ phấn đấu để đạt danh hiệu lớp tiên tiến.
- b. Lòng tôi dạt dào niềm vui bởi ngày mai tôi phải đến trường dự lễ khai giảng.

Ví dụ 2: Trong bài tập làm văn tả cánh đồng lúa vào mùa gặt, một bạn đã viết như sau: “Bây giờ là mùa gặt, trên cánh đồng làng, bà con xã viên đã gặt lúa. Tiếng liềm, tiếng hái cắt lúa nghe soàn soạt, soàn soạt không ngừng không nghỉ. Từng cánh tay đưa đi đưa lại nhanh thoăn thoắt”. Theo em từ dùng sai trong những câu văn trên là từ nào? Vì sao sai? Em hãy chữa lại cho đúng.

(Giải đáp: Câu a: Từ sai sẽ thay bằng từ *đã* hoặc chữa lại trạng ngữ *trong năm tới*. Câu b: Từ sai *phải* thay bằng từ *được*. Ví dụ 2: Từ sai *đã* thay bằng từ *đang*.)

Dạng 4: Bài tập chữa từ sai do quan hệ ý nghĩa giữa các từ trong câu

Ví dụ: Theo em, trong các câu văn sau đã kết hợp sai từ nào? Vì sao sai? Em hãy thay thế từ sai bằng từ thích hợp.

- a. Cả trường đang im lặng, chỉ nghe có tiếng những chú chim hót riu rít và tiếng lá rì rào trong gió. Bỗng ba tiếng trống, **đổ** hồi đều đặn, chúng em ùa ra sân trường như bầy ong vỡ tổ.
- b. Ngay từ những buổi đầu mới quen nhau, em rất mến Hoàng bởi bạn không chỉ có khuôn mặt trái xoan trông thật đẹp trai mà bạn còn có tác phong vui vẻ của người lớp trưởng.
- c. Khu vườn nhà em xum xuê cây trái nào nhãn, đào, cam, táo... cứ mỗi độ xuân về nó nở hoa rất đẹp.

(Giải đáp: Câu a: Từ sai *ba tiếng trống* và từ *đổ hồi* thay bằng *ba tiếng trống vang lên* hoặc *một hồi trống vang lên*. Câu b: Từ sai *trái xoan* và từ *vui vẻ* thay bằng từ *thanh tú, nhanh nhẹn*. Câu c: Từ sai *nó* thay bằng từ *cây đào*.)

Kiểu 3: Bài tập chữa từ sai do lặp từ

Kiểu bài tập này nhằm rèn cho HS biết huy động, lựa chọn, thay thế từ ngữ để diễn đạt câu văn trong sáng, trôi chảy. Không sử dụng từ lặp đi lặp lại gây sự luẩn quẩn trong câu văn, bài văn.

Dạng 1: Bài tập chữa lỗi lặp từ hoàn toàn.

Ví dụ: Hãy lược bỏ những từ ngữ trùng lặp, thay thế bằng những từ thích hợp để câu văn trôi chảy.

a. Tôi rất yêu con đường cát trắng, tôi rất yêu ngôi nhà mái đỏ, tôi rất yêu lũy tre xanh ngắt của làng tôi.

b. Nghỉ hè, em được bố mẹ cho về quê ngoại chơi, quê ngoại ở bên kia sông, quê ngoại có những vườn cây trái ngọt lịm trĩu cành, quê ngoại có một đầm sen nở hoa thơm ngát.

(Giải đáp: Câu a: Lặp ba lần từ *tôi rất* bỏ từ *tôi rất* thứ hai và thứ ba. Câu b: Lặp bốn lần từ *quê ngoại* có thể viết lại như sau: *Nghỉ hè, em được bố mẹ cho về quê ngoại chơi, quê ngoại ở bên kia sông, nơi đây có những vườn cây trái ngọt lịm trĩu cành và có một đầm sen nở hoa thơm ngát.*)

Dạng 2: Bài tập chữa lỗi lặp từ đồng nghĩa.

Ví dụ: Hãy lược bớt những từ đồng nghĩa trong các câu văn sau.

a. Cánh đồng quê em rộng mênh mông, bát ngát rập rờn sóng lúa.

b. Mưa ập đến, đàn gà tao tác nhốn nháo chạy mỗi con một ngả.

c. Trường học là nơi chúng em lớn lên, trưởng thành.

(Giải đáp: Câu a: Lặp từ *mênh mông, bát ngát* có thể bỏ từ *bát ngát*. Câu b: Lặp từ *tao tác, nhốn nháo* có thể bỏ từ *tao tác*. Câu c: Lặp từ *lớn lên, trưởng thành* có thể bỏ từ *lớn lên*.)

Kiểu 4: Bài tập chữa từ sai phong cách.

Kiểu bài tập này rèn cho HS có kĩ năng biết dùng từ đúng phong cách, phù hợp với văn cảnh khi tạo lập ngôn bản. Từ đó, giúp cho HS có khả năng dùng từ đúng, hay trong quá trình viết văn.

Dạng 1: Bài tập chữa từ sai do dùng từ không hợp văn cảnh

Ví dụ: Có bạn viết:

a. Chị gà mái mơ xù lông, rướn cổ, mắt gườm gườm nhìn bác điều hâu hung ác.

b. Em Hoa trông thật dễ thương, đôi mắt

đen tròn, hai má phính phính bu bẫm, mỗi khi nó cười trông như cụ bà bị móm.

c. Đêm nằm bên mẹ, nghe tiếng mưa rơi rào rào trên mái ngói lòng em thấy thương ba hơn. Giờ đây, ba đang ngoài hải đảo xa xôi canh giữ vùng biển yêu thương của quê hương.

Theo em trong câu văn trên, từ nào dùng không hợp văn cảnh? Vì sao không hợp? Em hãy chữa lại cho đúng.

(Giải đáp: Câu a: Từ *sai bác* thay bằng từ *lão (tên, cụ)*. Câu b: Từ *sai nó* thay bằng từ *bé* hoặc *em*. Câu c: Từ *sai quê hương* thay bằng từ *Tổ Quốc*.)

Dạng 2: Bài tập chữa sai do dùng từ không hợp phong cách văn bản

Ví dụ: Hãy thay các từ dùng sai trong các câu dưới đây bằng những từ thích hợp. Theo em, nguyên nhân chủ yếu của việc dùng sai đó là gì?

a. Trong buổi sáng mùa thu khai trường, chúng em đã được nghe những lời dạy bảo cực kì hay của thầy hiệu trưởng.

b. Những ngày gặt hái trên quê hương em là những ngày vui sướng cực kì.

c. Xa trường rồi em thấy yêu sao từng bãi cỏ, hàng cây, cầu thang, lớp học, yêu chỗ ngồi thân thương bên cạnh mấy đứa con gái.

(Giải đáp: Từ *sai cực kì* hay thay bằng từ *ân cần*. Câu b: Từ *sai cực kì* thay bằng từ *hân hoan*. Câu c: Từ *sai mấy đứa* thay bằng từ *những bạn*.)

Trên đây là các dạng bài tập phát hiện và chữa lỗi về từ cho HS, qua các dạng này giúp HS tự phát hiện từ sai, biết phân tích biểu hiện của từ sai, tìm nguyên nhân sai và đề xuất cách chữa phù hợp. Từ đó, giúp HS biết tránh các kiểu dùng từ sai một cách có hiệu quả và dần dần tiến tới HS có ý thức trình độ thói quen dùng từ đúng trong viết văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Phương Nga – *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999.
2. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) – *Sách giáo khoa và sách giáo viên Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục, 2005.

SUMMARY

The author introduces 4 types with 10 forms of exercises to drill student's skills to use words in writing essays.